TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **311**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thuỷ Tiên
2. Bà Trần Thu Hà
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 583/2023/TLST – HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc"Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Yên K , sinh năm 1981
HKTT: TDP B , phường L , thành phố V , tỉnh V .
Trú tại: Số 3, L , T , huyện V , tỉnh V .
(Xin vắng mặt tại phiên toà)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn M , sinh năm 1973
HKTT và nơi cư trú cuối cùng tại: Số 19, ngõ 102, tổ 36, T , phường K , quận T H .
(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – chị Hà Thị Yên K trình bày:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023, được bổ sung bản tự khai đề ngày 21/11/2023, chị Hà Thị Yên K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh Nguyễn Tuấn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L , thành phố V , tỉnh V ngày 14/01/2005. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại số 2 ngõ 3 đường N , L , V , V (là nhà bố mẹ đẻ chị K). Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống căng thẳng mệt mỏi. Cả hai đã cố gắng hòa giải nhưng không thành vợ chồng không thể chung sống và cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Anh M bỏ đi lên Hà Nội sống tại địa chỉ Số 19, ngõ 102, tổ 36, T , phường K , quận T H (là nhà anh trai của anh M). Vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, hơn nữa anh M cũng không quan tâm đến các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục đoàn tụ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M .

Về con chung: Chị và anh M có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc K sinh ngày 01/11/2005; cháu Nguyễn Minh Đ sinh ngày 18/09/2007; cháu Nguyễn Dương B sinh ngày 02/03/2012, cả ba con chung dều có sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị K . Ly hôn, chị muốn nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và cháu B . Cháu K đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Tuấn M : Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa; Tòa án tiến hành tống đạt cho anh M , Thông báo lời khai của nguyên đơn, yêu cầu nộp bản tự khai, triệu tập đương sự đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh M không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì.

Toà án đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Ngọc K sinh ngày 01/11/2005 là con trai của chị K và anh M nhưng anh K không cung cấp được địa chỉ của bố anh do bố anh gọi điện chỉ hỏi thăm chứ không nói cho mẹ con anh biết thể hiện anh M cố tình dấu địa chỉ. Bên cạnh đó, chị K cũng có ý kiến khi anh M điện thoại hỏi thăm con

thì chị có đề cập đến việc ly hôn nhưng anh M nói thích làm gì thì làm và anh cũng không đoàn tụ.

Tại biên bản làm việc ngày 20/3/2024, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Quá trình chung sống tại địa phương, anh M sống tại Số 19, ngõ 102, tổ 36, T , phường K , quận T H là nhà của gia đình anh trai và chỉ có một mình anh M chứ không thấy vợ con. Nhiều năm nay, anh M cũng không sống tại địa chỉ này nữa, anh M chuyển đi đâu không báo cho chính quyền địa phương nên không biết. Nay chị K là vợ của anh M có đơn xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Tại công văn số 265 ngày 15/5/2024, quan điểm của đại diện Phòng LĐTBXH: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho trẻ em.

Tại phiên tòa,

Do chị K xin vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã công bố ý kiến, lời khai của chị K và các tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị K chấp hành tốt quy định của tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án và điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Yên K đối với anh Nguyễn Tuấn M ; Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu B , cháu Đ . Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh M ; Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.<u>Về thủ tục tố tụng</u>:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Số 19, ngõ 102, tổ 36, T , phường K , quận T H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận

Thanh Xuân theo khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết, anh M không đến Tòa. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo lời khai của nguyên đơn, yêu cầu nộp bản tự khai, triệu tập đương sự đến Tòa, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án đối với anh M nhưng anh M cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Tuấn M nhưng anh vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai. Chị Hà Thị Yên K có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xét xử vắng mặt chị K , anh M theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. <u>Về quan hệ hôn nhân</u>: chị Hà Thị Yên K và anh Nguyễn Tuấn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L , thành phố V, tỉnh V ngày 14/01/2005. Cả hai cùng kết hôn lần đầu, đây là hôn nhân hợp pháp.

3. <u>Xét yêu cầu ly hôn của chị Khánh</u>: Vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo lời khai của chị K đối với anh M và các văn bản tố tụng khác, chị K cũng đề cập đến việc ly hôn nhưng anh M không có ý kiến gì. Thể hiện anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh M .

4. <u>Về con chung</u>*:* Chị Hà Thị Yên K và anh Nguyễn Tuấn M có 03 (Ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc K sinh ngày 01/11/2005; cháu Nguyễn Minh Đ sinh ngày 18/09/2007; cháu Nguyễn Dương B sinh ngày 02/03/2012; cháu K đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi vợ chồng không sống cùng nhau, chị K đều là người chăm sóc nuôi dưỡng các con, các con phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Cháu Đ , cháu B trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố

mẹ ly hôn. Anh M không thường xuyên quan tâm chăm sóc các con nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị K là phù hợp với điều kiện nuôi con của chị K , nguyện vọng của cháu Đ , cháu B, quan điểm của Phòng LĐTBXH; phù hợp với Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của chị K được trực tiếp nuôi cháu Đ , cháu B ; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

5. <u>Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung</u>: Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

6. <u>Về án phí</u>*:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

7. <u>Về quyền kháng cáo</u>: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

<u>Xử:</u>

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Yên K đối với anh Nguyễn Tuấn M , chị K được ly hôn anh M .

Về con chung: Chị Hà Thị Yên K và anh Nguyễn Tuấn M có 03 (Ba) con chung là cháu Nguyễn Ngọc K sinh ngày 01/11/2005, cháu Nguyễn Minh Đ sinh ngày 18/09/2007, cháu Nguyễn Dương B sinh ngày 02/03/2012, cháu K đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Đ , cháu B cho chị K trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh M kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ , cháu B đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị Yên K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0012657 ngày 21/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị K anh M . Chị K anh M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA quận Thanh Xuân;
- UBND thị trấn L, thành phố V ,
Tỉnh V (CNKS số 08/14.01.2005);
- Lưu VP, HS.

Lê Huyền Thu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biªn b¶n nghÞ ¸n

Vào hồi 10h 30 phút ngày 10 tháng 6 năm 2020.
Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu
- Các Hội thẩm nhân dân : 1- Bà Lê Thị Thu Hạnh
2- Ông Trần Anh Huy

Tiến hàng nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2020/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc " Tranh chấp ly hôn", giữa:
Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc Bé** – sinh năm 1988
HKTT và trú tại: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
Bị đơn: Anh **Trần Duy Linh** – sinh năm 1984

HKTT và trú tại: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Căn cú vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của Pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

I. Phần thảo luận :

- Ý kiến của Hội thẩm nhân dân thứ nhất :

1.Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì theo khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết, anh Linh không đến Tòa. Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo lời khai của nguyên đơn, yêu cầu nộp bản tự khai, triệu tập đương sự đến Tòa, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án đối với anh Linh, anh Linh đều trực tiếp nhận văn bản nhưng anh Linh cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật đối với anh Trần Duy Linh nhưng anh vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xét xử vắng mặt anh Linh theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ngọc Bé và anh Trần Duy Linh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ngày 21/6/2012. Cả hai cùng kết hôn lần đầu, đây là hôn nhân hợp pháp.

3. Xét yêu cầu ly hôn của chị Bé: Vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia

đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo lời khai của chị Bé đối với anh Linh và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Linh không có ý kiến gì. Thể hiện anh Linh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vây, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé đối với anh Linh.

4. <u>Về con chung</u>*:* Chị Bé và anh Linh có 01 (Một) con chung là Trần Nam Phong (Giới tính: Nam, sinh ngày 20/4/2013), sức khỏe bình thường.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Bé là phù hợp với điều kiện nuôi con của chị Bé, nguyện vọng của cháu Phong, quan điểm của Phòng LĐTBXH; phù hợp với Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của chị Bé được trực tiếp nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Linh cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

5. <u>Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung</u>: Chị Bé không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

6. <u>Về án phí</u>*:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: ChÞ Bé ph¶i nép 300.000 ®ång ¸n phÝ ly h«n s¬ thÈm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

7. <u>Về quyền kháng cáo</u>: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

- *Ý kiến của Hội thẩm nhân dân thứ hai* : Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm nhân dân thứ nhất vừa nêu, bổ sung các điều luật làm căn cứ giải quyết vụ án cụ thể như sau :

- Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- *ý kiÕn cña ThÈm ph¸n- Chñ to¹ phiªn toµ :* NhÊt trÝ víi ý kiÕn cña c¸c vÞ Héi thÈm nh©n d©n ®· nªu.

II- PhÇn th¶o luËn:

Sau khi th¶o luËn, Héi ®ång xÐt xö nhÊt trÝ biÓu quyÕt 3/3 nh- trªn.

III PhÇn quyÕt ®Þnh:

- Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ngọc Bé đối với anh Trần Duy Linh, chị Bé được ly hôn anh Linh.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Ngọc Bé và anh Trần Duy Linh có 01 (Một) con chung là Trần Nam Phong (Giới tính: Nam, sinh ngày 20/4/2013), sức khỏe bình thường. Giao con chung cho chị Bé trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Linh kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phong đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh Linh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Chị Bé không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Bé phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0006403 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bé, vắng mặt anh Linh. Chị Bé có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Linh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

NghÞ ¸n kÕt thóc vµo håi 10h 45 phót, ngµy 10 th¸ng 6 n¨m 2020..

Bi³n b¶n nghÞ ¸n ®· ®-îc ®äc l¹i cho tÊt c¶ c¸c thµnh viªn Héi ®ång xÐt xö cïng nghe vµ ký tªn d-íi ®©y

Thµnh viªn héi ®ång xÐt xö **ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ**

TM.Héi ®ång xÐt xö
ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ

N¬i nhËn:

- C¸c ®-¬ng sù;
- ViÖn kiÓm s¸t ND Q. Hai Bµ Tr-ng;
- Chi côc THA Q. Hai Bµ Tr-ng;
- L-u VP, HS.

NguyÔn Thu Hảng

TOµ ¸N NH¢N D¢N
HUY�†N THANH TRÌ
Thµnh phè hµ néi

Céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

Thanh trì, ngµy 09 th¸ng 6 n¨m 2020

B¸o c¸o trao ®æi
§-êng lèi xĐt xö vô ¸n H«n nh©n gia ®×nh

KÝnh göi: **Ban lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì**

T«i lµ: Lê Huyền Thu – Thẩm phán TAND huyện Thanh Trì

T«i xin b¸o c¸o néi dung vô ¸n h«n nh©n gia ®×nh thô lý sè 75/2020/TLST - HNG§ ngµy 02.01.2020 vÒ viÖc tranh chÊp ly h«n gi÷a c¸c ®-¬ng sù:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Ngọc Bé** – sinh năm 1988

HKTT và trú tại: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Trần Duy Linh** – sinh năm 1984

HKTT và trú tại: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

1/ VÒ thñ tôc tè tông: Tõ khi thô lý vô ¸n ®Õn nay, Toµ ®· tèng ®¹t th«ng b¸o thô lý, Th«ng b¸o phi¹n häp vÒ kiÓm tra viÖc giao nép, tiÕp cËn, c«ng khai chøng cø vµ hßa gi¶icho hai b¹n ®-¬ng sù nh-ng anh Linh ®Òu kh«ng ®Õn Tßa.

Toµ ¸n ®· tèng ®¹t hîp lÖ QuyÕt ®Þnh đưa vụ án ra xét xử, QuyÕt ®Þnh ho·n phi¹n tßa.

2/ VÒ néi dung vô ¸n:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy Linh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ngày 21/6/2012. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Vợ chồng thường xuyên va chạm cãi vã và anh Linh rất nhiều lần đánh đập chị một cách vô cớ làm cho cuộc sống gia đình mệt mỏi, căng thẳng. Chị đã cố gắng chịu đựng để cuộc sống của con có đầy đủ cả bố và mẹ nhưng anh Linh vẫn không thay đổi. Bản thân anh Linh không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Hơn nữa, Anh Linh vẫn chứng nào tật ấy, thậm chí còn đánh đập chị nhiều hơn nên chị không thể chịu đựng được nữa. Đến đầu năm 2016, vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi.

Tháng 8/2019, chị đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án và chị đã rút đơn xin ly hôn để cho anh Linh cơ hội thay đổi bản thân. Nhưng anh Linh không thay đổi mà liên tục dọa hãm hại chị làm ảnh hưởng đến cuộc sống của mẹ con chị.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục đoàn tụ. Đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh Linh để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Trần Duy Linh có 01 (Một) con chung là Trần Nam Phong (Giới tính: Nam, sinh ngày 20/4/2013), sức khỏe bình thường. Từ khi

sinh con ra đến nay con ở với chị và do một mình chị chăm sóc. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Linh cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bé: Vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo lời khai của chị Bé đối với anh Linh và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Linh không có ý kiến gì. Thể hiện anh Linh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vây, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé đối với anh Linh.

Về con chung: Chị Bé và anh Linh có 01 (Một) con chung là Trần Nam Phong (Giới tính: Nam, sinh ngày 20/4/2013), sức khỏe bình thường.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị Bé là phù hợp với điều kiện nuôi con của chị Bé, nguyện vọng của cháu Phong, quan điểm của Phòng LĐTBXH; phù hợp với Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của chị Bé được trực tiếp nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Linh cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị Bé không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị Bé phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

3/ Dù kiÕn cña ThÈm ph¸n:

VÒ thñ tôc tè tông: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, QuyÕt ®Þnh ho·n phi¤n tßa cho các đương sự.

VÒ ¸p dông ®iÒu luËt:

- ¸p dông: Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 243, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

VÒ néi dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ngọc Bé đối với anh Trần Duy Linh, chị Bé được ly hôn anh Linh.
- *Về con chung:* Chị Trịnh Thị Ngọc Bé và anh Trần Duy Linh có 01 (Một) con chung là Trần Nam Phong (Giới tính: Nam, sinh ngày 20/4/2013), sức khỏe bình thường. Giao con chung cho chị Bé trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Linh kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phong đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh Linh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- *Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung:* Chị Bé không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.
- *Về án phí:* Chị Bé phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 6403 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

ý kiÕn cña l·nh ®¹o **Ng-êi b¸o c¸o**